

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá,
thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính
cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị
hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền
của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài
chính;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của
Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra
việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC quy định về công tác tổng hợp, phân
tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích,
dự báo giá thị trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1014/TTr-STC
ngày 07 tháng 8 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân công nhiệm vụ quản
lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công nhiệm vụ
quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.
Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3. Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định; Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định kèm theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Phước*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP5(Hà).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng
Trần Song Tùng

QUY ĐỊNH

**Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá,
thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Đối với một số hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Giá năm 2023 thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan, không thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan được phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

- Sở Tài chính tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 16 Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hoá, dịch vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực theo nhiệm vụ được giao tại Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chủ trì, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các biện pháp bình ổn giá và hướng dẫn thực hiện bình ổn giá, đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Phân công nhiệm vụ triển khai bình ổn giá đối với các hàng hóa, dịch vụ cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc Danh mục thuốc thiết yếu;

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc quản lý của nhiều Sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu

cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, gửi Sở Tài chính có ý kiến tham gia bằng văn bản; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện việc thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

4. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở quản lý ngành, lĩnh vực (được giao tiếp nhận kê khai giá) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

3. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm và đăng tải theo quy định. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát Danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì không cần tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá mới.

b) Định kỳ vào ngày 01 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh Danh sách kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Danh sách kê khai giá.

c) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá năm 2023. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quy định này.

Mục 2

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 8. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

a) Sở Tài chính;

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 9, Điều 10 Quy định này;

c) Các tổ chức, cá nhân khác được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.

3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá năm 2023; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

Điều 9. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Giao Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ của tỉnh gửi Bộ Tài chính (qua Cục Quản lý Giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC, trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Sở Xây dựng

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)), danh mục Giao thông tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Sở Công Thương

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Y tế

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Thống kê tỉnh

Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

g) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo đề nghị của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

h) Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn xã, phường quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Điều 10. Báo cáo giá thị trường đột xuất

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của tỉnh và gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho các sở quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Mục 3 **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ**

Điều 11. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 12. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 13. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Giám đốc Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền;

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công tại khoản 2 Điều 9 Quy định này;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hoá, dịch vụ chủ trì tham mưu; đồng thời gửi hồ sơ về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi (tối đa sau 07 ngày kể từ khi quyết định về giá hàng hoá, dịch vụ có hiệu lực);

c) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá;

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Thủ trưởng các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc các Sở quản lý ngành, lĩnh vực quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; đồng thời gửi hồ sơ thẩm định giá, báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi;

- Thời hạn gửi Hồ sơ thẩm định giá: Tối đa sau 07 ngày kể từ khi có Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng.

- Thời hạn gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá: Ngày 02 của tháng đầu tiên hàng quý.

đ) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công tại khoản 2 Điều 9 Quy định này;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; đồng thời gửi hồ sơ thẩm định giá, báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi;

- Thời hạn gửi Hồ sơ thẩm định giá: Tối đa sau 07 ngày kể từ khi có Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng.

- Thời hạn gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định giá: Ngày 02 của tháng đầu tiên hàng quý.

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu trực tiếp qua hệ thống tài khoản vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Mục 4

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 14. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính

Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quy định này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định của Luật Giá và pháp luật khác có liên quan, đồng thời gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Tài chính để tổng hợp.

Điều 15. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy định này

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy định này: Giao các Sở quản lý ngành, lĩnh vực phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung liên quan khác quy định quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
I	Định giá khung	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Định giá tối đa	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
III	Định giá cụ thể	
III.1	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ	
1	Nước sạch	- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định phương án giá đối với nước sạch nông thôn. - Sở Xây dựng chủ trì thẩm định phương án giá đối với nước sạch đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. - Trường hợp công trình vừa cấp nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vừa cấp nước nông thôn thì sản lượng cấp nước cho khu vực nào lớn hơn thì Sở chuyên ngành tương ứng chủ trì, phối hợp với sở chuyên ngành còn lại thẩm định phương án giá
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
III.2	Định giá cụ thể	
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định giá theo đề nghị của tổ chức, đơn vị
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương

Phụ lục II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ
		Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu	Sở Y tế chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		
1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
4	Giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
5	Giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ
6	Giá dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
7	Giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Tư pháp
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
5	Than	Sở Công Thương chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì;	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ
	gia súc, gia cầm và thủy sản	UBND cấp xã phối hợp	
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
15	Thiết bị y tế	Sở Y tế chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Du lịch chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Du lịch

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Du lịch chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; UBND cấp xã phối hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường